

PHẠM MINH PHƯƠNG*

THỰC HÀNH THỜ THẦN THĂNG LONG TƯ TRẦN Ở HÀ NỘI HIỆN NAY: TỪ THỂ TỤC HOÁ ĐẾN TÁI SINH CÁI THIÊNG

Tóm tắt: Thăng Long tứ trấn là một hệ thống tín ngưỡng thờ thần đặc trưng của người dân Thăng Long - Hà Nội, bao gồm bốn ngôi đền/đình/quán thiêng trấn giữ bốn hướng của kinh thành Thăng Long xưa (Hà Nội ngày nay). Các ngôi đền này không chỉ là những di tích lịch sử, văn hoá, mà còn là nơi thể hiện tín ngưỡng, tâm linh của người dân Thăng Long - Hà Nội. Bài viết khảo sát, phân tích quá trình thể tục hoá và tái sinh cái thiêng trong các thực hành thờ thần ở bốn ngôi đền này, dựa trên các dữ liệu thu thập được trong thời gian gần đây, nhất là sau Đổi mới. Từ đó, chỉ ra các thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn có những biểu hiện đôi lúc là đối lập nhau, vừa mang tính dân gian vừa chịu sự chi phối bởi quyền lực nhà nước, vừa thúc đẩy các mối quan tâm của người dân, vừa gặp phải sự giới hạn về giới, vừa được duy trì theo thời gian, lại được củng cố và kiểm soát bởi các Ban/Tiểu ban quan quản lý di tích.

Từ khoá: Thăng Long tứ trấn, thờ thần, thể tục hóa, cái thiêng, Hà Nội.

Dẫn nhập

Thờ thần Thăng Long tứ trấn là một trong những nét đặc sắc của văn hóa tín ngưỡng dân gian của người Hà Nội. Tuy nhiên, qua các thời kỳ lịch sử, tín ngưỡng thờ thần Thăng Long tứ trấn đã trải qua nhiều biến đổi, từ cơ sở vật chất đến các thực hành nghi lễ, lễ hội. Có thể nói, tục thờ Thăng Long tứ trấn đã có những biểu hiện của thể tục hóa ở một chừng mực nào đó, khi mất đi sự tôn kính, sự quan tâm, sự tham gia và sự hiểu biết của người dân Thăng Long - Hà Nội qua các giai đoạn lịch sử. Tuy nhiên, cùng với quá trình thể tục hoá, cũng có sự tái sinh cái thiêng, đó chính là quá trình mà các vị thần Thăng Long tứ trấn khẳng định lại sự hiện diện và ảnh hưởng của mình trong đời sống xã hội

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 12/11/2023; Ngày biên tập: 21/11/2023; Duyệt đăng: 27/11/2023.

Thăng Long - Hà Nội, những vị thần linh này không chỉ có một đời sống tâm linh trong quá khứ, mà đã được duy trì và phát triển theo tiến trình lịch sử, thời đại. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, quá trình thế tục hóa và tái sinh cái thiêng trong các thực hành tôn giáo thờ thần Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội hiện nay đang diễn ra như thế nào? Đây là câu hỏi mà bài viết muốn tìm hiểu và trả lời.

Mục tiêu của bài viết nhằm khảo sát và phân tích quá trình từ thế tục hóa đến tái sinh cái thiêng trong thực hành tôn giáo thờ thần Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội, từ đó đánh giá, giá trị và vai trò của tục thờ Thăng Long tứ trấn trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Hà Nội hiện nay. Để đạt được mục tiêu này, bài viết sử dụng cách tiếp cận Tôn giáo học kết hợp với một số phương pháp nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội như Sử học, Văn bản học, Nhân học và Xã hội học tôn giáo, cùng với các dữ liệu thực tế thu thập từ các cuộc khảo sát thực địa để giải quyết vấn đề nghiên cứu. Ngoài ra, bài viết sử dụng khung lý thuyết về thế tục hóa và tái sinh cái thiêng trong tôn giáo, dựa trên những khái niệm và lý thuyết của các nhà nghiên cứu như Max Weber, Emile Durkheim, Charles Taylor, P. Berger, Jurgen Habermas ... [Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010; 2012; 2022] [Nguyễn Thị Lê, 2020] [Châu Hiền Tâm, 2017] [28], để so sánh và bổ sung cho nghiên cứu của mình.

1. Lý giải về thế tục hoá và tái sinh cái thiêng qua tín ngưỡng thờ Thăng Long tứ trấn

Khái niệm về thế tục hóa khá phức tạp, mang hàm nghĩa rộng. Nó được sử dụng trong nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau như luật pháp, lịch sử, xã hội học, triết học, thần học... Có nhiều thảo luận về hiện tượng thế tục hóa ở cả hai chiều tích cực và tiêu cực, thậm chí, các đặc điểm về nó nhiều khi khá mơ hồ, khó kiểm soát ... do đó, các cuộc thảo luận về thế tục hóa vẫn tiếp diễn đến nay. Vì thế, trong mỗi nghiên cứu, khi nói đến thế tục hóa, cần đặt nó trong giới hạn nghiên cứu cụ thể để phân tích sự thế tục hoá được biểu hiện ra như là một nhận định, một sự giải thích hay là một quyết định ...

Max Weber (1864-1920), nhà xã hội học, nhà kinh tế và chính trị gia người Đức đã sử dụng thuật ngữ *thế tục hoá* đề cập trong *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* để chỉ sự giảm sút của tính tôn giáo trong xã hội, hoặc ám chỉ giai đoạn chuyển từ tính tôn giáo sang tính thế tục, hoặc ám chỉ sự mất quyền kiểm soát của tôn giáo trong một vài lĩnh vực của đời sống xã hội. Weber cho rằng thế tục hóa có liên quan đến những hậu quả tâm lý ngẫu nhiên của các

giáo lý đạo Tin Lành, đặc biệt, giáo lý tiền định của Calvin [Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010: 2; Nguyễn Thị Lê, 2020]. Trong những thảo luận liên quan vấn đề thế tục hoá, đã có những nhà nghiên cứu mang cách nhìn về thế tục hoá vào giải thích đời sống tôn giáo, văn hoá... Đỗ Quang Hưng trong cuốn *Nhà nước thế tục* cho rằng: Dù được định nghĩa theo cách nào thì thế tục hoá vẫn là một xu hướng chính trị-xã hội-văn hoá và tôn giáo được ghi nhận và nghiên cứu từ các xã hội Âu - Mỹ gắn liền với tính hiện đại và xã hội hiện đại. Tôn giáo trong quan hệ với hai thực tại đó dần dần đã phân tách thành hai cực đối lập, hoặc ủng hộ, tích cực trong cái nhìn với tôn giáo, hoặc ngược lại. Ông cũng cảnh báo vì *tính đa dạng của hiện tượng đặc biệt này, nên không thể có mô hình chung cho các xã hội thế tục khác nhau*. Tiến trình thế tục hoá luôn gắn chặt với bối cảnh lịch sử xã hội và chính lịch sử tôn giáo của đất nước ấy [Đỗ Quang Hưng, 2020: 53-54]. Xoay quanh chủ đề về *thế tục hóa* (secularization) cũng xuất hiện những thảo luận xem xét lý thuyết thế tục hóa cổ điển từ góc nhìn mới cho rằng thế tục hóa không chỉ là sự giảm sút tính tôn giáo, mà còn là sự thích ứng và tăng hiểu biết về tôn giáo trong thời đại thế tục, đại diện như Habermas với hậu thế tục và cho rằng, hậu thế tục không phải là sự kết thúc của quá trình thế tục hoá, mà là một giai đoạn mới của nó. Trong khi đó Taylor không gọi là *hậu thế tục* mà gọi là *thời đại thế tục* (secular age) [Nguyễn Xuân Nghĩa, 2022: 3-29], trong đó, tôn giáo không còn là một giả định chung, mà là một lựa chọn cá nhân trong nhiều lựa chọn khác [Nguyễn Xuân Nghĩa, 2012: 16 – 26; Nguyễn Thị Lê, 2020]. Như vậy, chúng ta có thể hiểu *thế tục hóa* là một hiện tượng đa chiều, đa diện và cần được nghiên cứu trong bối cảnh cụ thể để hiểu được sự biến đổi và phát triển của tín ngưỡng, tôn giáo trong xã hội đương đại.

Thông qua các nghiên cứu trong thời gian gần đây, chúng tôi nhận thấy trong thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn có những biểu hiện của sự thế tục hóa ở một chừng mực nào đó, khi có giảm sút vai trò, tầm quan trọng, sự quan tâm, sự tham gia và sự hiểu biết của người dân Thăng Long - Hà Nội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Các ngôi đền thờ thần chịu ảnh hưởng của chiến tranh (bị huỷ hoại), sự phát triển của đô thị hoá, hiện đại hoá (bị lấn chiếm, bị biến đổi...); các hoạt động lễ nghi, thờ cúng, lễ hội cũng thay đổi theo xu hướng hiện đại hoá, thương mại hoá, niềm tin, thái độ người dân có những lúc có biểu hiện sự giảm sút, mai một (trước Đổi mới). Tuy nhiên, cùng với quá trình thế tục hoá, đó là sự tái sinh cái thiêng - *Cái thiêng sống lại* đời sống tâm linh của nó trong quá khứ với các chiều kích của xã hội đương đại (sau Đổi mới). Để lý giải về quá trình tái sinh cái

thiêng, chúng tôi viện dẫn góc nhìn của hai tôn giáo lớn là Công giáo và Phật giáo để làm tham chiếu trong nghiên cứu này. Theo quan điểm của Công giáo, tái sinh là sự sống lại, sống với tình trạng mới; nó còn được hiểu là sự ra đời/biến đổi đời sống thuộc linh. Tái sinh là việc Thiên Chúa ban cho con người sự sống mới - được tham dự vào sự sống thần linh của Ngài, khác với sự sống tự nhiên của con người... [Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2011: 294-295]. Theo quan điểm của Phật giáo, tái sinh là sự chuyển giao của tâm thức từ niệm này sang niệm khác một cách liên tục, dưới sự tiếp nối không dừng của cái gọi là Phần đoạn sinh tử của chúng sinh. Một con người vừa chết đi và được tái sinh lại trong các cõi: Trời, Người, Atula... Cũng có loại tái sinh mà thân xác con người vẫn còn đó, nhưng phần tâm thức thì đã chuyển giao, mà bước ngoặt quan trọng nhất trong sự chuyển giao này là “chết”, nhà thiền gọi là “Tuyệt hậu tái tô” [Lam Trương, 2016]. Như vậy, tái sinh cái thiêng là sự trở lại của cái thiêng đã bị lãng quên hay sang một thế giới thiêng khác, theo đó, quá trình tái sinh cái thiêng trong thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội hiện nay đó chính là quá trình mà các vị thần Thăng Long tứ trấn khẳng định lại sự hiện diện và ảnh hưởng của mình trong đời sống xã hội Thăng Long - Hà Nội, nhất là giai đoạn sau Đổi mới. Trong các hoạt động liên quan thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn trong giai đoạn chuẩn bị kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long Hà Nội, gần nhất là khi các ngôi đền này đón Bằng công nhận di tích cấp quốc gia đặc biệt vào đầu năm 2022. Điều này, đã chứng tỏ các vị thần Thăng Long tứ trấn không chỉ có một đời sống tâm linh trong quá khứ, mà còn được duy trì và phục hồi thông qua các hoạt động thờ cúng, lễ hội, văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao trong lễ hội, với sự tham gia của nhiều các tầng lớp và nhóm người khác nhau trong hiện tại. Cái thiêng trong thế giới thể tục vẫn tiếp tục hành trình tái sinh của chính nó, theo con đường thích nghi, phù hợp trước bối cảnh thực tại. Quá trình tái sinh cái thiêng trong thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội hiện nay đang tiếp tục hành trình viết tiếp đời sống tâm linh của riêng nó, chứng tỏ rằng tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục tồn tại và tự khẳng định vai trò trong môi trường ngày càng thể tục theo cách riêng của nó.

Tín ngưỡng cùng sự vận động của nó, luôn gắn với cuộc sống thực tại của con người, khi mà nhu cầu đời sống tâm linh của con người không ngừng tăng lên và thay đổi [Phạm Minh Phương, 2021: 3-19]. Trong tâm thức tín ngưỡng, tôn giáo của người dân Hà Nội hiện nay

song song tồn tại sự tôn trọng nhất định với niềm tin vào hệ thống thờ bái thần, nhưng cũng dần hình thành những niềm tin mới bằng cách, không phủ nhận niềm tin trước đây, song ít chú ý tới quá trình hình thành trước đó. Điều này cho thấy, người ta luôn có sự lựa chọn *cái* để tin theo theo quan điểm cá nhân, thậm chí nó còn lan toả ra cộng đồng, nhưng trong giới hạn và mức độ nhất định. Minh chứng cho điều này có thể quan sát qua các hoạt động trùng tu, tôn tạo cơ sở thờ thần ở cả bốn ngôi đền, qua nghi lễ thờ thần hoặc qua công tác tổ chức lễ hội hiện nay... Việc sắp xếp lại không gian thiêng cho thấy sự biểu đạt mối quan hệ xã hội - tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng/xã hội, nhưng cũng cho thấy tác nhân tạo ra sự biến đổi không gian thiêng... Nhất là sau năm 1990¹ trở lại đây, kinh tế - xã hội Việt Nam phát triển theo xu thế hội nhập, toàn cầu hoá, đời sống vật chất của người dân dần được cải thiện, nhu cầu chăm lo đời sống tinh thần, nhất là nhu cầu tôn giáo biểu hiện ngày một rõ rệt [Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987; Phạm Minh Phương, 2010; Nguyễn Hồng Dương, 2015]. Chúng tôi nhận thấy đã có sự diễn ra của cả hai quá trình từ thế tục hóa đến tái sinh cái thiêng trong thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội hiện nay.

2. Sự đan xen giữa thế tục hoá và tái sinh cái thiêng trong thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn

2.1. Biểu hiện thông qua quá trình phục hồi và tôn tạo các cơ sở thờ tự

Thế tục hóa được hiểu như là một quá trình chuyển đổi văn hóa, tôn giáo, trong đó các giá trị tôn giáo dần dần được thay thế bằng các giá trị phi tôn giáo. Trong khi đó, tái sinh cái thiêng là một quá trình ngược lại, các giá trị tôn giáo dần được khôi phục hoặc tái sáng tạo trong không gian tín ngưỡng của cái thiêng. Trong quá trình hình thành và phát triển của bốn ngôi đền thuộc hệ thống Thăng Long tứ trấn, những hoạt động thờ cúng, lễ hội, nghi lễ và biểu tượng của cái thiêng vận hành theo quy luật của sự vận động và phát triển chung của xã hội, vì thế đã có thay đổi theo hướng: một là thích ứng với nhu cầu tâm linh của cộng đồng, nhưng đồng thời, cũng thích nghi theo xu hướng của xã hội hiện đại, điều này được chúng tôi nhìn nhận như một quá trình của sự thế tục hoá.

Đền thờ thần Bạch Mã ở phố Hàng Buồm hiện nay, được lưu truyền xây dựng từ thời thuộc Đường, sách *Việt điện u linh* có nhắc

đền: Nhà Lý dựng đô ở Thăng Long, vua cho mở phố chợ về phía Cửa Đông, hàng quán chen chúc, sát đến bên đền, rất huyền ảo. Vua muốn dựng đền ra một chỗ khác song lại nghĩ, một ngôi đền cổ không nên dời đi, mới đem sửa sang lại. Đền liền với các nhà ngoài phố, riêng để một nhà bên trong làm nơi thờ thần... [Lý Tế Xuyên, 1960: 86]. Đền thờ thần Linh Lang ở trại Thủ Lệ, nay thuộc phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, được cho là dựng từ thời Lý. Tương truyền, thần là con vua Lý Thái Tông, *hóa thân và hiển linh ở đây, nhân đấy lập đền thờ... thường tỏ linh ứng* [Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, 1997: 210 - 211]. *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm* chép: *Đền ở trại Thủ Lệ, Vua sai dựng miếu ở đó thờ lấy hai chữ “Linh Lang” làm tên húy của thần. Trải các đời sau hễ tới miếu cầu đảo đều được ứng nghiệm. Triều đình ban cho sắc phong, lại miễn trừ cho dân trại Thủ Lệ 25 suất đinh để trông nom quét dọn miếu* [Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên, 2007: 70 - 71]. Đền Quán Thánh: *Sách Đại Nam nhất thống chí* chép: Quán Chân Vũ ở phường Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận, thờ Trần Thiên Chân Vũ đại đế, dựng đời Lê Vĩnh Trị, lại đúc tượng đồng cao tám thước hai tấc, nặng 6.600 cân, rất linh ứng. Nguyên tên là quán Trấn Vũ, bản triều năm Minh Mệnh thứ 2, vua Bắc tuần cho 50 lạng bạc; năm thứ 21 đổi tên như hiện nay, sai quan đến tế... [Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, 1997]. Theo Cẩn Đình Dương Bá Cung, Quán thờ Bắc phương Trần Thiên Chân Vũ Huyền Thiên thượng đế ở phường Thụy Chương (tức quán Trấn Vũ, quận Ba Đình). Vào năm Hồng Đức thứ 5 (1474), vua Lê Thánh Tông cho dời cung ra phía ngoài thành, nhà vua đích thân viết sớ tới quán cầu đảo. Tháng 11 năm Chính Hòa thứ 2 (1680), triều đình cho xuất tiền bạc trong kho để mua đồng đúc pho tượng ở quán, soạn văn bia ghi chép sự việc. Thời nhà Lê, các sĩ tử đi thi đều đến đây cầu mộng, thấy đều ứng nghiệm. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), vua ra Bắc có tặng một đồng tiền lớn hình rồng vàng, sai *quan đến tế*, lại ban cho một chiếc áo tơ lông chim màu vàng và tấm biển đồng, trên khắc bài thơ ngự chế, trong đó có câu “... *Sùng phụng kiến kỳ điện Bắc phương*.” Dịch là: “... *Thành tâm thờ phụng cầu nguyện giữ yên phương Bắc*” [Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên, 2007]. Đền thờ thần Cao Sơn ở phường Phương Liên, quận Đống Đa. Theo *Đại Nam nhất thống chí*: Nguyên trước đền ở Thanh Hóa, khi Tương Dực đế dấy quân, thường đến đền cầu đảo, sau khi bình được loạn, bèn lập đàn tràng ở hành cung Thăng Long làm lễ tạ, sau khi lễ xong, liền lập đền thờ ở đây, lại sai bày tôi là Lê Tung soạn văn bia khắc vào đá, đến

nay vẫn còn [Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, 1997: 602]. Cẩn Đình Dương Bá Cung ghi chép trong *Hà Nội địa dư*: Ngài là một trong 50 người con đi lên núi của Lạc Long Quân, là sơn thần của ngọn núi bên trái núi Tản Viên. Vào khoảng năm Hồng Đức triều Lê, Tham đốc Nguyễn Văn Lữ vâng mệnh đi dẹp giặc, tới huyện Phụng Hóa, thấy có một ngôi miếu lợp tranh, có biển đề Cao Sơn Đại vương. Văn Lữ vô cùng kinh ngạc, vội ngầm khấn xin thần phù hộ cho vận nước. Sau khi dẹp được giặc trở về, ông đem sự việc tâu lên. Triều đình ban sắc cho dựng đền tại chỗ đó để thờ phụng, văn thần Lê Tung có làm bài văn bia ghi chép lại sự việc. Về sau bia trôi về tới bến sông Bồ Đề. Khoảng năm Hoằng Định, dân phương vớt được, đem đặt ở đất chùa để thờ, rất linh thiêng. Năm Cảnh Hưng thứ 33 mới đem dựng ở bên phải của đền [Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên, 2007: 70].

Sự tái sinh cái thiêng là một quá trình ngược lại thế tục hoá, trong đó các giá trị thờ thần dần được khôi phục, thể hiện ở việc phục dựng, tôn tạo cơ sở vật chất của bốn ngôi đền vào những năm đầu thế kỷ XXI. Ngoài tôn tạo cơ sở vật chất là các kết cấu kiến trúc, điện thờ thần cho đến phục hồi các nghi thức được cử hành trong lễ hội, lễ tế thần Thăng Long tứ trấn, cụ thể: *Đền Kim Liên* được khởi công tu bổ từ năm 2008, đây là công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội với vị thế đền - trấn Nam Thăng Long - Hà Nội, ngày 15/9/2010 thành phố Hà Nội và Ủy ban Nhân dân quận Đống Đa đã tổ chức lễ gắn biển công trình [Hồng Hạnh, 2010]. Cũng trong dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, *đền Quán Thánh* được tu bổ một số hạng mục của đền (công trình được thực hiện từ tháng 6/2009 đến tháng 7/2010) [dangcongsan.vn, 2010]. *Đền Voi Phục - Thủ Lệ* (quận Ba Đình) được tu bổ và khởi công từ tháng 7/2009 đến ngày 19/8/2010 hoàn thành. Ngày 25/8/2010, Quận uỷ- HĐND- UBND- UBMTTQ quận Ba Đình tổ chức lễ khánh thành và gắn biển công trình cấp Thành phố kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội [Phòng Văn hoá và Thông tin quận Ba Đình, 2010]. Từ năm 2018, dự án tu bổ, tôn tạo di tích *đền Bạch Mã* (quận Hoàn Kiếm) được tiến hành một số hạng mục trong khu di tích và hoàn thành năm 2022. Ngày 18/6/2022 Quận uỷ, HĐND, UBND quận Hoàn Kiếm đã tổ chức lễ đón *Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt Thăng Long tứ trấn - đền Bạch Mã*. Đề ghi nhận và tôn vinh những giá trị văn hoá, lịch sử độc đáo, góp phần tạo dựng bản sắc riêng cho Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến, ngày 18/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 93/QĐ-TTg xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt đợt 12 cho năm di tích trên cả

nước, trong đó có *Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật “Thăng Long tứ trấn”* gồm đền Bạch Mã (quận Hoàn Kiếm), đền Voi Phục, đền Quán Thánh (quận Ba Đình) và đền Kim Liên (quận Đống Đa), thành phố Hà Nội.

Các địa phương tổ chức đón Bằng xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt “Thăng Long tứ trấn”

TT	Cơ sở thờ thần	Phương vị	Ngày dương lịch (âm lịch)	Đơn vị tổ chức
1	Đền Bạch Mã	Trấn Đông	18/6/2022 (20/5 al)	Quận ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Đền Voi Phục – Thủ Lệ	Trấn Tây	29/5/2022 (29/4 al)	Quận ủy, HĐND, UBND quận Ba Đình, Hà Nội
3	Đền Quán Thánh	Trấn Bắc		
4	Đền Kim Liên	Trấn Nam	16/4/2022 (16/3 al)	Quận ủy, HĐND, UBND quận Đống Đa, Hà Nội

(Nguồn: tác giả tổng hợp, năm 2022)

2.2. Biểu hiện thông qua thực hành nghi lễ và các hoạt động khác liên quan thờ thần Thăng Long tứ trấn

Thờ thần Thăng Long tứ trấn là một loại hình tôn giáo của nhân dân, hình thành và phát triển gắn liền với những thực tại xảy ra ở địa phương, khu vực nhất định, trong những bối cảnh lịch sử - văn hoá cụ thể. Như mỗi âu lo thường trực, nhu cầu hiện sinh của người Hà Nội thuở ban đầu là chống lây, chống lụt, trong dân gian xuất hiện hệ thống thần linh có chức năng bảo hộ - cả bốn vị thần chủ ở đền thờ thần Bạch Mã, thần Tô Lịch, thần Huyền Thiên Trấn Vũ, thần Cao Sơn, thần Linh Lang đại vương. Cuộc sống có nhiều khó khăn, ô nhiễm môi trường với nhiều tác nhân khác đã khiến con người luôn bất an, lo sợ, dễ mắc bệnh tật, sẽ nảy sinh nhu cầu chữa bệnh, với quan niệm “có bệnh vái tứ phương”, một số người cầu đến các vị thần linh, đại diện tiêu biểu trong hệ thống thờ thần này là thần Huyền Thiên Trấn Vũ; hoặc cầu cho sự đi lại an toàn, thuận buồm xuôi gió, bảo vệ khỏi những điều không may mắn, xấu xa, vận đen đui, có những may mắn trong cuộc sống, thăng tiến trong học tập, công việc... thường thấy được cầu trước các thần Thăng Long tứ trấn [Phạm Minh Phương, 2021:3-19]. Thực hành thờ thần Thăng Long tứ

trần luôn vận động gắn với cuộc sống thực tại của con người và không ngừng thay đổi [Phạm Minh Phương, 2021]. Thông qua đối tượng thờ cúng, những nghi lễ hay lễ hội đã làm cho các *tín đồ*² trong cộng đồng trở nên gần gũi nhau hơn. Tính tôn giáo của *tín đồ* được trải nghiệm trong bối cảnh trần tục. Hơn thế, tính thiêng lại được trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày, gắn với các hoạt động lễ tiết theo mùa (xuân thu nhị kỳ cúng bái), sử dụng không gian thiêng, các nghi thức tế lễ, lễ vật dâng cúng, tâm trạng, cử chỉ, hành vi đều bao hàm các ý nghĩa hướng thiện, hướng tới những điều tốt lành. Các chiều kích tôn giáo về các trải nghiệm hàng ngày của *tín đồ*, cũng bao gồm chiều kích thể tục, luôn gắn kết chặt chẽ với nhau. Trong một nghiên cứu, Nguyễn Quốc Tuấn đã phân tích và chỉ ra: Đối tượng chủ yếu của nghiên cứu tôn giáo, phải được tiếp cận theo phương pháp hệ thống như là các thực thể xã hội và thiết chế xã hội có vai trò và chức năng trong tính chỉnh thể của xã hội. Theo đó, tôn giáo được hiểu là một tiểu hệ thống, thực hiện một số chức năng của các cá nhân; tôn giáo cũng tạo nên một tiểu hệ thống biểu trưng đặc biệt ... [Nguyễn Quốc Tuấn, 2014: 3-19]. Vì thế, nhóm xã hội nào dùng quyền lực và quyền uy để đề cao một số thực hành tôn giáo thì ở đó nhất định sẽ để lại “mật mã” về sự hiện diện quyền lực (thế quyền, thần quyền hoặc cả hai), đây cũng là một đặc trưng trong hệ thống thờ thần Thăng Long tứ trấn.

Truyền thống văn hóa ở Thăng Long - Hà Nội ghi đậm dấu ấn sự ra đời của triều đại nhà Lý với quyết sách định Đô ở Thăng Long nhằm khẳng định vị trí, vai trò của Đại Việt trước thời đại, trước lịch sử và trước phương Bắc. Trên thực tế, khi một nhà nước/triều đại mới được hình thành và đi vào hoạt động, sẽ có sự phân chia quyền lực trong lĩnh vực địa giới hành chính (quyền lực nhà nước) và sự thống lĩnh trong đời sống tâm linh (quyền lực mềm). Đặc trưng của nhà nước ở Việt Nam đều thấy chia/hình thành các khu vực hành chính để cai trị, rồi tương ứng với nó sẽ là các khu vực tâm linh nhằm khẳng định thần quyền trong khu vực hành chính tương ứng. Ở Việt Nam, với làng (đơn vị hành chính cơ sở) sẽ có các vị *thần làng* làm chủ, với Thăng Long - Hà Nội sẽ có các vị *thần chủ đặc trưng cho lối sống và vùng văn hóa của đô thị trung ương* - ở đây có “Quốc đô Thành hoàng” [Phạm Minh Phương, 2020], là một vị thần chủ bảo hộ cho kinh thành Thăng Long, thần là một trong các vị thần thuộc hệ thống thần Thăng Long tứ trấn. Trải qua thời gian, Thăng Long tứ trấn dần đóng vai trò quan trọng đối với sự bình yên, phát triển hay tồn vong của một khu vực, một vùng đất

được gọi là chốn đế đô muôn đời - Kinh thành/Kinh đô/Thủ đô... không chỉ là đặc trưng mà còn là kết quả của một quá trình lịch sử cụ thể [Phan Huy Lê, 2012: 7-19]. Như vậy, thế giới quan của người Việt xưa nay dường như luôn mang tâm lý “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”. Người xưa đã có sự nhìn nhận về một trật tự Phàm - Thiêng, với niềm tin về *cái thiêng* sẽ luôn đi cùng sự linh ứng/hiển linh của các vị thần linh nói chung, các vị thần Thăng Long tứ trấn nói riêng; có mối liên hệ theo nhiều cấp độ để tạo lập cộng đồng có chung một niềm tin tưởng vào sự linh ứng, thiêng liêng của các vị thần linh. Hơn thế, nó như sợi dây liên kết từ phía chính quyền, đại diện cho tính quan phương ở chỗ *lệnh* vua ban cho/*Sắc* cho những nơi ấy/dân nơi ấy thờ phụng, thậm chí triều đình (đại diện là vua/quan) thực hiện tế lễ hàng năm/định kỳ tại nơi ấy, biểu hiện tính thần quyền song hành với thế quyền đều thấy hiện diện trong tín ngưỡng thờ thần Thăng Long tứ trấn. Đây là một hiện tượng tôn giáo độc đáo, và được cho là một hình thức quy hoạch không gian thiêng - quy hoạch kinh thành [Nguyễn Quốc Tuấn, 2007; Đỗ Quang Hưng, 2010], nâng Thăng Long lên thành *đất thánh thiêng*, một hành động biểu trưng cho sự bảo vệ kinh đô, không chỉ đối với dân chúng đương thời mà còn cho muôn đời con cháu [Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, 2005: 122 - 140].

Nguyễn Duy Hinh khi nói về những quy định tế tự thần linh cho biết: Trước thời Lê (thế kỷ XV) không có đền thờ bách thần ở kinh đô. Cho đến năm 1449 thì lần đầu tiên mới dựng đàn thờ ba loại thần ở kinh đô: Đô Đại Thành hoàng để bảo hộ kinh đô; thần Gió, Mây, Sấm, Mưa để đảo vũ cầu mưa như đàn Xã Tắc, và các quỷ vô tự tức tất cả các âm hồn vô thừa nhận (cô hồn). Phan Huy Chú nhận xét: “Lễ chế ngày xưa chỉ tế hai vị thần Gió và thần Mưa, đến nhà Đường mới tế thêm thần Sấm, rồi đến nhà Minh lại thêm thần Mây, hợp làm một đàn. Nay lại lập đền Đại thành hoàng ở kinh, các đời trước chưa từng thờ. Các đàn và đền thờ Lê Sơ đều theo điển lễ của nhà Minh cả [Dẫn theo: Nguyễn Duy Hinh, 1996: 73-74]. Có quy định nghi thức tế các đàn mà sau này tế thành hoàng sử dụng duy chỉ có việc không phải các quan triều thi hành mà là các lão niên hay chức dịch xã thôn mặc triều phục đóng vai quan triều thực hiện nghi lễ. Nghi lễ này lần đầu tiên cũng xuất hiện trong triều Lê với các đàn nói trên, còn trước đó, nghi lễ như thế nào không có tư liệu để nghiên cứu mặc dù có thể suy đoán đại thể cũng như thế. Đến thời Nguyễn, năm 1809 dựng miếu Đô

thành hoàng bên hữu kinh thành, năm 1814 thì triều đình bàn diễn thờ bách thần và phong sắc thần. Việc lập hồ sơ (thần tích, thần phả, ngọc phả), xét duyệt phong sắc được tiến hành quy mô lần đầu tiên có ghi chép trong các thần tích là năm Vĩnh Hựu thứ nhất (1572), nhưng trong quốc sử không ghi sự kiện này [Nguyễn Duy Hình, 1996]. Các nguồn tài liệu sớm hơn ghi chép về quy định tế tự như trên gần như là chưa tìm được. Như thế, các cơ sở thờ thần Thăng Long tứ trấn có tổ chức nghi thức tế, lễ, ngày nay chúng tôi tạm thời cho rằng *đều dựa trên những nguyên tắc cơ bản về chế độ tế tự thần linh được triều Nguyễn quy định* [Xem trong: Vũ Thanh Bằng, 2014: 78-99].

Qua khảo cứu lễ hội đền Bạch Mã xưa trên tư liệu cho thấy: *Chủ thể, người tham dự*: vua, quan và người dân sở tại. *Thời gian, địa điểm*: ngày 12 - 13/2 âm lịch tại đền, đều được ghi chép trong *Đại Việt sử lược* [Khuyết Danh, 1992: 138], *Lễ hội Việt Nam* [Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, 2005: 125] chép như sau: Năm Mậu Tý (1048), vua Lý Thái Tông: “*Tháng 3 lập xã đàn ở ngoài cửa Trường Quảng để làm nơi bốn mùa cầu cúng thần lúa... Mùa đông, tháng Chạp nhà vua xuống chiếu định lại phép chơi trâu vào dịp xuân*”. Thời Hậu Lê, lễ Lập xuân (do vua đích thân dự) và Tiên Xuân ngư (là lễ dâng trâu mùa Xuân lên vua và lễ thần Câu mang) nhập thành một và được ghi chép đầy đủ hơn. Đến thời vua Lê - chúa Trịnh, theo lệ mỗi năm đến tiết lập xuân, Hộ bộ đến Hộ phiên nhận đủ tiền, gạo, lụa, rồi chuyển cho Thái quan thư và Lương uẩn cục lo làm lễ tế. Đồng thời, quan Tư Thiên giám khai lên chúa Trịnh biết ngày hành lễ và dâng mẫu nặn đoàn người và vật, trong có tượng mục đồng (thần Câu Mang làm bằng đất dùng vào việc cúng tế trong lễ tiên Xuân ngư hoặc lễ thần trông coi cây cối mùa Xuân)... nghi lễ diễn ra theo quy định, được mô tả chi tiết. Hội dâng trâu mùa Xuân kéo dài suốt từ thời Lý tới thời Hậu Lê (ở Thăng Long), sau chuyển sang triều Nguyễn (ở Thuận Hóa). Lễ hội được mô tả là do triều đình đứng ra chủ trì, chuẩn bị, song quá trình diễn ra các hành động lễ, hội thì lại mang đậm nét dân dã cho thấy tín ngưỡng có sức sống rất bền vững trong dân. Biểu tượng con trâu, mục đồng... là hình ảnh gửi gắm tâm thức về một lễ nghi nông nghiệp của người dân với nghề trồng lúa nước và nghề trồng trọt. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Lễ nghi chí* cho biết: “Hàng năm, đến tháng 11, Tư Thiên giám tâu ngày tháng nào là tiết lập xuân và kê cả kiểu mẫu làm xuân ngư [trâu xuân], giao cho Công bộ sai Thường ban cục làm. Trước tiết lập xuân một ngày, buổi chiều, Thường ban cục đem con trâu nặn bằng đất đến đàn ở phường Đông

Hà (tức khu vực đền Bạch Mã). Quan phủ doãn và hai quan huyện Thọ Xương và Quảng Đức làm lễ xong thì sai phường dân rước đến đàn ở phường Hà Khẩu. Đến ngày sau rước đi sớm, phủ doãn và các quan huyện đều lấy cành dâu đánh con trâu đất, đem vào sân điện [vua] làm lễ Tiến xuân ngư. Các công hầu bá và các quan văn võ vâng chỉ chúa, đều đủ phẩm phục vào triều làm lễ. Lễ xong, quan tư lễ giám bưng cái án để xuân ngư ở trước ngự tọa đưa sang tiến ở phủ chúa. Quan công khoa vâng ban cho các quan”, “Các tiết trên này đều là lễ nghi sau đời Lê trung hưng, còn sự diên cách của các đời trước thì không thể khảo được. Nay liệt ra từng điều mục mà thuật lại những nghi thức về triều Lê để tiện tra cứu - Phan Huy Chú” [Phan Huy Chú, 2014: 408-409]. Lễ hội ở đền Bạch Mã chính là lễ Tiến Nghênh Xuân xuất hiện từ thời Lý, khi triều đình phong Thần đền Bạch Mã làm Thăng Long Thành hoàng Đại vương, “cho hưởng lộc, các buổi lễ Nghênh Xuân đều cử hành tại đây” [Vũ Quỳnh, Kiều Phú, 2001: 139]. Theo cách lý giải của Trần Lâm Biền: Lễ này bao hàm ý nghĩa tổng khí lạnh mùa Đông, đón khí ấm mùa Xuân. Tới nay lễ này không còn được thực hiện. Nội dung bia *Tạo lệ bi ký* [Phạm Văn Tuấn, Diệp Thiểu Phi, 2020: 158-164] viết: “*Việc phụng sự đức Thượng đẳng tối linh đền Bạch Mã từ xưa đến nay quanh năm ngày tháng kể cả việc sửa sang miếu vũ, túc trực ngày đêm, đến các ngày hội Xuân ngư, minh tế, các lễ cầu tạnh, cầu mưa, cáo tế, cầu khẩn mọi việc quan nha sai dịch nhất nhất đều cung ứng. Trong khi đó tiền thuế nhà và các việc sưu sai tạp dịch, bản phường vẫn phải đóng góp như thường. Nay kính xin được chuẩn làm dân tạo lệ*”. Trong nội dung cho biết sự việc đã được trên đồng ý cho miễn mọi thuế nhà và sưu sai tạp dịch kể từ năm Tân Sửu (1781) trở đi. Nội dung bài ký trên bia xây dựng Phương Đình (Kiến tạo Phương đình bi ký, năm 1839) [Phạm Văn Tuấn, Diệp Thiểu Phi, 2020: 176-181] cho biết: *Đền được xây trước thời Lý; từ đó về sau nhiều lần trùng tu, mở rộng quy mô, đường vũ nghiêm trang, thoáng rộng, khiến việc phụng thờ Thần rạng rỡ một vùng. Mỗi khi đến ngày tế lễ, người trong giáp phải dựng bát, che phong ở sân đền. Tế lễ xong thì lại tháo dỡ. Đại loại phong bát chỉ dựng khi tế lễ, xong lại dỡ cất đi rất phiền toái. Vì thế dân ba giáp bàn nhau dựng thêm toà nhà ...* việc ghi chép trong văn bia cho biết vẫn tất hoạt động chuẩn bị lễ tế thần của người dân địa phương. Qua tư liệu khảo sát, ở đền Bạch Mã xưa diễn ra hai nghi lễ: Cầu mùa đầu năm và dâng trâu cuối năm. Thông qua lời kể của ông S. làm thủ từ cho biết: Về cơ bản thì việc thờ cúng, tổ chức lễ hội (là lễ hội đền Bạch Mã vào mùa xuân) sau 1945 vẫn diễn ra khá đều đặn; sau đó lễ

hội bị gián đoạn từ những năm giặc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc (thập niên 60 thế kỷ XX). Mãi gần đây lễ hội đền mới được phục dựng, song về tính chất và quy mô thì đã khác xưa nhiều. Về lễ hội hiện nay, kể từ thời gian tuyên truyền cho Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội (năm 2010) mới thống nhất quy định cứ năm chẵn sẽ tổ chức hội năm năm một lần; có nghĩa là 2010 tổ chức, thì đến năm 2015 mới tổ chức hội lớn và cứ tuần tự như vậy. Còn các năm lẻ thì vẫn tổ chức hội lệ, còn được gọi là hội thường niên thì đơn giản và gọn nhẹ hơn. Do là di tích đã xếp hạng, lại nằm trong các tua du lịch của phố cổ Hà Nội, nên đền có quy định giờ mở cửa phục vụ du khách và nhân dân đến lễ, tham quan vãng cảnh như sau: Sáng từ 8-11h, chiều từ 14-17h mở cửa hàng ngày; các buổi tối thứ 6, 7 và Chủ nhật mở cửa từ 19h30 - 22h nhằm phục vụ tuyến phố đi bộ của thủ đô (PVS, ông S. sinh năm 1932, ngày 24/3/2021 tại đền Bạch Mã).

Đền Quán Thánh là ngôi đền thứ hai, cùng với đền Bạch Mã còn giữ được khá tốt cảnh quan và mặt bằng kiến trúc giai đoạn cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX: *Kể từ khi được xếp hạng, cơ sở thờ tự này nằm dưới sự quản lý của Ban quản lý do Ủy ban nhân dân quận Ba Đình ra quyết định thành lập, cử người trông nom, thực hiện bán vé theo quy định của pháp luật cho phép. Trước đây (những năm đầu thế kỷ XX) vẫn còn giữ được nếp tổ chức lễ hội, nhưng sau đó đã dừng hẳn và cho đến nay vẫn chưa phục dựng lại được* (PVS, ghi chép theo lời kể của chị T. năm 2015 tại đền Quán Thánh). Hiện tại, ngày thường và ngày Rằm, mùng Một hay các ngày lễ khác trong năm đền đều mở cửa đón khách. “*Trước đây còn có cả hầu đồng (ở ban công đồng) nhưng ngày nay cũng không còn thấy họ đến*”; Khi được hỏi lý do ngưng hoạt động đó, chị nói một phần là do cơ sở thờ tự đã được xếp hạng, do nhà nước quản lý, mặt khác, nhiều ý kiến cho đó là hoạt động mang tính *mê tín dị đoan* nên sau không có hoạt động hầu tại đền [PVS, chị T. năm 2015, tại đền Quán Thánh]. Theo *Hà Nội địa dư* [Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên, 2007: 78-80], nội dung *Quán thờ Bắc phương Trấn Thiên Chân Vũ Huyền Thiên thượng đế* có ghi lại nhiều sự kiện, trong đó có các sự kiện: Năm Hồng Đức thứ 5 (1474) vua Lê Thánh Tông cho dời cung ra phía ngoài thành, vua đích thân viết sớ tới quán cầu đảo. Tháng 11 năm Chính Hòa thứ 2 (1680) triều đình cho xuất tiền bạc trong kho để mua đồng đúc pho tượng ở quán, sai bồi thần Đặng Công Chất, Hồ Sĩ Dương soạn văn bia ghi chép lại sự việc. Vào thời Lê, các công sĩ khi đi thi đều đến đây cầu mộng và thấy linh nghiệm. Năm Minh Mệnh thứ 2 vua đi tuần ra Bắc ban cho quán 50 lạng bạc trắng, đến năm thứ 21 thì cho đổi tên quán

thành quán Chân Vũ, sai quan đến tế, ban tặng áo tơ lông chim màu vàng ... Điện thờ thần chủ nằm ở hậu cung, là pho tượng đồng (được đúc vào thời Lê, thế kỷ XVII), hiện tại đền vẫn còn tấm bảng giới thiệu về đền và ghi rõ tiểu sử lai lịch pho tượng quý hiếm này. Ngoài ra đền còn có nhiều tượng thờ khác như tượng Ông Trùm Trọng, Tứ Đại Nguyên Sứ Pháp tượng, Bạch Ngọc Thân Pháp tượng... cùng nhiều đồ thờ tự và các di vật quý khác. Xưa đền có tục cứ vào các ngày mùng Một, mùng Sáu âm lịch hàng tháng các văn nhân, nho sĩ mang vàng hương, lễ vật đến khấn cầu rất thành kính rồi ngủ lại chờ thần báo mộng xem thi đỗ hay không... song kể từ khi tượng thờ *Văn Xương Đế Quân*³ được rước sang thờ tại đền Ngọc Sơn thì việc cầu mộng giáng bút này không còn diễn ra. Đến nay, đền Quán Thánh là ngôi đền duy nhất chưa phục dựng tổ chức lễ hội rước; đồng thời cũng là cơ sở thờ thần duy nhất trong bốn ngôi đền thờ thần Thăng Long tứ trấn thực hiện việc thu phí vào đền. Việc chưa phục dựng lễ hội được ghi lại theo lời kể người được giao quản lý đền như sau⁴: Lễ hội tổ chức vào ngày mùng Một tháng Giêng và mùng 3/3 âm lịch, chính hội là ngày 3/3; ngoài ra còn có ngày mùng 9/9 âm lịch, nhưng từ sau 1975 các lễ hội 3/3 và 9/9 không còn thấy tổ chức. Ngày mùng Một tháng Giêng cũng chỉ còn một số hoạt động do Ban quản lý di tích đền thực hiện là chủ yếu; người dân đến tham quan, cầu cúng và vui chơi đơn giản hơn xưa [PVS, chị T. tại đền Quán Thánh, tư liệu năm 2015].

Lễ hội truyền thống của làng Kim Liên diễn ra hai ngày 15 và 16/3 âm lịch, chính hội ngày 16/3 - ngày *huy nhật* (tức ngày sinh thần). Ngoài ra còn có ngày lễ Kỳ An (vào 12/8 âm lịch, ngày *hủy kỳ* - tức ngày hóa của thần) và các ngày lễ khác trong năm như lễ Sóc vọng hàng tháng đều được duy trì đều đặn. Khi tham dự Lễ hội năm 2016 và các năm kế tiếp, chúng tôi nhận thấy mỗi năm ít nhiều đều có sự thay đổi trong cách thức tổ chức, nhưng về cơ bản thì đội hình tế, rước và mâm lễ vật luôn được quan tâm, thực hiện chu đáo và theo truyền thống địa phương. Việc thực hành thờ cúng thần được duy trì đều đặn, do các thành viên trong Tiểu Ban quản lý đền đảm nhiệm, tiền để duy trì các hoạt động đến từ nguồn thu công đức. Bà con nhân dân tới lễ khá tự do, không thu vé, nhưng có sự quy định chặt chẽ về giờ giấc như ở đền Quán Thánh hay đền Bạch Mã.

Đền Voi Phục cũng như đền Bạch Mã và đền Kim Liên, các thực hành thờ cúng và các nghi lễ đều do chính quyền địa phương, Ban quản lý di tích và người dân họp bàn, thực hiện. Chủ nhân đích thực của các thực hành mang tính nghi lễ tôn giáo này là người dân địa

phương. Các hoạt động thực hành nghi lễ tôn giáo tại cả bốn ngôi đền cho thấy đây đều là các hành động tập thể, có sự đa dạng của thành phần tham dự với nhiều vai trò cụ thể khác nhau. Hoạt động nghi lễ trong lễ hội diễn ra đa dạng, cầu nối cho các hoạt động này xuất phát từ các mối quan hệ cá nhân hay sự kết nối của các địa phương, đơn vị, tạo thành những mắt xích trong chuỗi/cấu trúc hoạt động chung của lễ hội. Đơn cử như các tiết mục tham gia lễ hội đền Kim Liên sẽ được thực hiện hài hoà trong suốt quá trình diễn ra lễ khai mạc của lễ hội. Đội múa tứ linh được mời đến từ trung tâm múa rồng lân nổi tiếng của vùng Mỹ Đức, Chùa Hương (Hà Nội); đội Trống Hội là đội trống hoạt động khắp khu vực Hà Nội và vùng phụ cận (do một bà người vùng làng Cốt - làng kết nghĩa với làng Kim Kiền làm chủ màn trống hội, khoảng ngoài 60 tuổi); đội rước kiệu hoa là đội mới nhất, được huy động từ cộng đồng Liên hiệp ngành Tóc Việt Nam tham gia năm đầu tiên là năm 2018.

Tổng kết lại những dữ liệu đã có cho thấy, thờ thần Thăng Long tứ trấn từ một tín ngưỡng sơ khai là thờ thần linh, thuỷ thần [Phạm Minh Phương, 2022] đã dần phát triển để trở thành một hệ thống thờ thần mang ý nghĩa bảo trợ kinh đô Thăng Long. Nghi lễ thờ thần ở đây còn được chuẩn mực hóa như sau: Ban đầu là sự thờ cúng do người dân thực hiện - *dân lễ*, thông qua sự quy chuẩn hóa, trở thành hình thức *quan lễ* - vua sai tế lễ, định kỳ hàng năm tế lễ (đền Bạch Mã, đền Quán Thánh xưa), điển hình là Lễ tiến Xuân Ngưu [Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, 2005] được chép là vua, quan thực hiện ở đền Bạch Mã và các khu vực liên quan lễ đó⁵; và nay là sự kết hợp *dân* – *quan*/đại diện chính quyền sở tại cùng thực hiện.

**Thời gian lễ, tham quan tại bốn ngôi đền
thờ thần Thăng Long tứ trấn**

CƠ SỞ THỜ TỰ	THỜI GIAN		
	Thường xuyên	Định kỳ	Tổ chức Lễ hội
	Hàng ngày		Có lịch riêng
Đền Bạch Mã	Sáng từ 8-11h, chiều từ 14-17h mở cửa hàng ngày. Không thu vé vào cửa.	Những ngày tuần, Rằm, mùng 1, Tết 3/3; 5/5; 1/6; 15/7; Tết Nguyên	12-13/2 âm lịch (al)

	Các buổi tối thứ 6, 7 và Chủ Nhật mở cửa từ 19h30-22h nhằm phục vụ tuyến phố đi bộ của thủ đô.	Đán, các ngày lễ Tết khác và các ngày lễ riêng biệt của đền và của đối tượng được thờ...	
Đền Voi Phục	Mở cửa thường xuyên, có người trực. Không thu vé vào cửa.		13/Chạp (ngày sinh thánh) 09-10/2 al (ngày kỵ thánh – tổ chức lễ hội)
Đền Quán Thánh	Mở cửa theo giờ hành chính (giờ làm việc của các cơ quan nhà nước), có thu vé vào cửa.		Ngày 3/3 al (nay không tổ chức lễ hội, chỉ thực hiện cúng tế tại đền)
Đền/đình Kim Liên	Mở cửa thường xuyên, có người trực, không thu vé vào cửa.		15-16/3 al (Ngày húy nhật - tổ chức lễ hội) 12/8 al (ngày kỵ thánh)

(Nguồn: tác giả tổng hợp, năm 2022)

Cho đến nay, hệ thống thờ thần Thăng Long tứ trấn đều được công nhận là di tích cấp quốc gia đặc biệt (năm 2022), được xem như biểu tượng của lịch sử, văn hóa và tôn giáo của Thăng Long - Hà Nội. Trong buổi lễ đón bằng xếp hạng di tích đều có sự tham gia của lãnh đạo các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban mặt trận tổ quốc và nhân dân. Các nghi lễ cúng tế, diễu hành, trình diễn nghệ thuật... được tổ chức để tôn vinh và tái hiện những truyền thuyết, sự tích, tín ngưỡng liên quan đến các vị thần Thăng Long tứ trấn. Đây cũng là dịp để thể hiện sự kết hợp giữa các hoạt động văn hóa và tôn giáo, phù hợp với nhu cầu hiện tại của người dân. Các hoạt động thờ thần tại các đền thờ không chỉ là những truyền thống lâu đời, mà còn là những phong tục mang lại nhiều ý nghĩa tốt đẹp cho cuộc sống, như trừ tà, chữa bệnh, cầu an toàn, cầu công danh, học tập, cầu làm ăn thuận lợi... Các đền thờ thu hút nhiều lượt khách đến thăm quan, góp phần tăng thu nhập cũng như nâng cao nhận thức về lịch sử, văn hóa của Thăng Long - Hà Nội.

Từ những kết quả khảo sát và phân tích trên, chúng ta có thể nhận thấy sự thể tục hoá và tái sinh cái thiêng thông qua các giá trị văn hoá và tôn giáo liên quan đến thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn. Sự thể tục hóa trong những giai đoạn nhất định có thể làm mất đi phần

nào bản sắc, truyền thống của thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn, nhưng sự tái sinh tính thiêng đã làm các hoạt động thực hành phong phú, đa dạng, thậm chí được gọi là sự *tạo dựng truyền thống* [Nguyễn Doãn Minh, 2020], gắn kết và được bảo tồn, phát huy ở hiện tại. Nhà nước - đại diện cho thể quyền, nhằm duy trì thần quyền - *cái thiêng*, cũng luôn quan tâm và hỗ trợ cho việc duy trì, bảo tồn và phát triển loại hình tín ngưỡng thờ thần đặc trưng của Hà Nội.

3. Một số bàn luận và kết luận

Quá trình thể tục hóa và tái sinh cái thiêng được phân tích qua một số thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội xưa và hiện nay. Từ đó, chỉ ra rằng những thực hành tôn giáo này không chỉ có nguồn gốc từ xã hội truyền thống, xã hội nhà nước phong kiến trước đây, mà còn được duy trì theo thời gian, vừa mang tính dân gian vừa chịu sự chi phối bởi quyền lực nhà nước.

Trong bối cảnh xã hội toàn cầu hoá, đa dạng văn hoá hiện nay, thực hành thờ thần Thăng Long tứ trấn có những biến đổi cho phù hợp với xã hội hiện đại. Theo quan sát tham dự của chúng tôi, trong khoảng hơn 10 năm trở lại (từ 2010 - 2023), có sự phân biệt nam - nữ trong nghi thức tế thần, dù không còn bảo thủ như trước. Cụ thể, thành viên đội tế nữ chỉ được dâng lễ vật lên thần linh ở bàn lễ đặt trước hậu cung, mà không được dâng lễ vào trong hậu cung như thành viên đội tế nam. Như thế, dù thành kiến với nữ giới đã cởi mở hơn, nhưng trước thực tế như vậy không thể phủ nhận, rõ ràng vẫn có sự phân biệt giới trong đời sống tâm linh, hành động này bị chi phối nhiều từ sự cấm kỵ mang tính truyền thống tại các địa phương, các cơ sở thờ tự. Bên cạnh đó, vai trò của các Ban quản lý di tích hiện hữu, là một mô hình quản lý đặc trưng của xã hội hiện đại, trong việc củng cố và kiểm soát các hoạt động thờ tự nói chung và thực hành nghi lễ theo truyền thống địa phương, phong tục tập quán, các hình thức cúng lễ được chuẩn mực hoá, với sự tham gia của người dân, chính quyền địa phương và sự kiểm soát của pháp luật hiện hành. Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của mô hình Ban quản lý này cho phép nhà nghiên cứu hiểu, đánh giá tình hình và triển khai các nghiên cứu tại địa bàn, thu hoạch dữ liệu cần thiết thông qua nhiều hình thức, nguồn thông tin khác nhau nhằm mang lại những hiểu biết sâu hơn về thờ thần Thăng Long tứ trấn ở từng địa bàn nghiên cứu. Động thái của các nhà lãnh đạo đương chức, đại diện cho chính quyền địa phương khi tham gia vào quá trình tu bổ, tôn tạo cơ sở thờ tự; hoặc việc chỉ định trong các hoạt động thực hành thờ thần (như trường hợp đền Bạch Mã), cho thấy sự

ảnh hưởng của chính quyền đương thời, kể cả tính chủ quan (đại diện tính cá nhân) và khách quan tương đối (đại diện cho mức độ quản lý nhà nước) đến quá trình thể tục hoá và tái sinh cái thiêng nơi đây. Tính thiêng hiện đại dường như không chỉ phụ thuộc vào niềm tin tôn giáo, mà theo một cách nào đó đã chịu ảnh hưởng bởi tinh thần của người lãnh đạo chính quyền đương nhiệm, đại diện tối cao cho quyết sách của địa phương. Như thế, điểm tựa tâm linh - tôn giáo đã chịu sự chi phối nhiều từ những điều như thế, tính quan phương phủ lên tính thần quyền; hơn thế, tính cá nhân bị chi phối bởi quyền năng thể tục, từ đó chi phối và xếp đặt ý chí lên thần quyền. Liệu đây đã là một biểu hiện mới cho sự lựa chọn hợp lý của loại hình tín ngưỡng này, để duy trì sự phát triển, ảnh hưởng của nó trong chính đời sống tâm linh của mình. Sự đầu tư tôn tạo các cơ sở thờ tự hiện nay cũng cho thấy tín ngưỡng, tôn giáo đã được nuôi dưỡng, chi phối bởi thể tục hoá, và ngược lại, trong thế giới thể tục cái thiêng lại tiếp tục nảy nở hành trình tái sinh của chính nó, theo chủ đích của sự lựa chọn hợp lý để tồn tại, phát triển. Những động thái này chứng tỏ tín ngưỡng, tôn giáo luôn tồn tại và tự khẳng định vai trò trong môi trường ngày càng thể tục theo cách riêng của nó./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xuất phát từ tình hình thực tiễn của Việt Nam, công cuộc *Đổi mới* toàn diện để phát triển đất nước được nhận định và chỉ rõ trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986. Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng nhận thấy tôn giáo không thể đứng ngoài cuộc, bởi, tín ngưỡng, tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong xây dựng và phát triển đất nước. Đường lối đổi mới về công tác tôn giáo được thể hiện rõ nhất qua Nghị quyết 24 (16/10/1990) và một loạt các văn bản sau nó, phản ánh tư duy Đổi mới sắc bén, phù hợp thời đại. Sự xuất hiện và phát triển trở lại mạnh mẽ của thờ cúng thần linh ở Hà Nội, đặc biệt là hiện tượng thờ thần Thăng Long tứ trấn có thể được xem là một sự phát triển tất yếu của sinh hoạt tôn giáo, tâm linh nói chung bên cạnh sự phát triển của kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội ở Hà Nội nói riêng.
- 2 Tín đồ được dùng trong bài viết, ở đây là cách gọi để chỉ những người tham gia vào các hoạt động thực hành thờ cúng thần Thăng Long tứ trấn nói chung.
- 3 Thần Văn Xương Đế Quân là một vị thần của Đạo giáo, thời vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Công Án đi sứ bên Tàu (Trung Hoa) khi về có mang theo tượng thần về thờ chung với Huyền Thiên thượng đế ở quán Trấn Vũ. Đến năm 1843, khi Hội Hướng Thiện xây dựng lại trên nền

chùa Ngọc Sơn ở hồ Hoàn Kiếm làm nơi thờ Văn Xương Đế Quân nay gọi là đền Ngọc Sơn.

4. Chị T. người được phân công quản lý, trông coi đền, quân số thuộc UBND quận Ba Đình quản lý.
5. Trong “*Lĩnh Nam chí quái*” chép “truyện sông Tô Lịch”, có các tình tiết làm tăng thêm phần linh dị tạo nên một biểu tượng linh về vùng đất địa linh - thần xung là tinh ở Long Đỗ, “Truyện thần chính khí Long Đỗ” trong phần Phụ lục (từ trang 130 trở đi) cho biết thần Long Đỗ được vua Lý phong làm Thăng Long Thành hoàng Đại vương, cho hưởng lộc, các buổi lễ Nghênh Xuân đều cử hành tại đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thanh Bằng (2014), “Chế độ tế tự thần linh triều Nguyễn qua bộ Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11(137), tr. 78-99.
2. Phan Huy Chú (2014), *Lịch triều hiến chương loại chí – Quan chức chí, Lễ nghi chí*, Bản dịch, tập 3, Nxb Trẻ, tr. 408 - 409.
3. Khuyết Danh, (Nguyễn Gia Tường dịch, Nguyễn Khắc Thuần hiệu đính) (1992), *Đại Việt sử lược*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Hồng Dương (2015), “Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam - quá trình 40 năm (1975-2015)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* số 5.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
6. Hồng Hạnh (2010), “Hoàn thành công trình tu bổ di tích đình Kim Liên”, link: <https://www.vietnamplus.vn/hoan-thanh-cong-trinh-tu-bo-di-tich-dinh-kim-lien-post62261.vnp> truy cập ngày 15/8/2023.
7. “Hoàn thành tu bổ đền Quán Thánh - Công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội”, link: <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/hoan-thanh-tu-bo-den-quan-thanh-cong-trinh-ky-niem-1000-nam-thang-longha-noi-31660.html> truy cập ngày 15/8/2023.
8. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb Tôn giáo, tr. 294-295.
9. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành Hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đỗ Quang Hưng (2010), “*Không gian thiêng của Thăng Long – Hà Nội*”, trong hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hòa bình” do Ban chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long tổ chức tại Hà Nội.
11. Đỗ Quang Hưng (2020), *Nhà nước thế tục*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 38, tr. 53-54.

12. Phan Huy Lê (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Thăng Long Hà Nội*, tập 1, Nxb Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Lê (2020), “Một số quan điểm đương đại về thể tục hoá tôn giáo”, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 10, tr. 30 - 37.
14. Nguyễn Doãn Minh (2020), *Tứ trấn Thăng Long Hà Nội – góc nhìn văn hoá*, Nxb Khoa học Xã hội.
15. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên (Chủ biên, 2007), *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
16. Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), “Tâm thức tôn giáo và lý thuyết thể tục hoá ở Châu Á và Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 3-10.
17. Nguyễn Xuân Nghĩa (2012), “Tư tưởng của Jurgen Habermas về tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 16 - 26.
18. Nguyễn Xuân Nghĩa (2022), “Hậu thể tục: Cuộc tranh luận và các chủ đề liên quan”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8(224), tr. 3-29.
19. Phòng Văn hoá và Thông tin quận Ba Đình (2010), “Lễ Khánh thành và gắn biển dự án tu bổ, tôn tạo đền Voi Phục – Thủ Lệ, công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội”, link: https://badinh.hanoi.gov.vn/tin-tuc-hoat-dong/-/asset_publisher/X4MhKm1sIeo3/content/le-khanh-thanh-va-gan-bien-du-an-tu-bo-ton-tao-en-voi-phuc-thu-le-cong-trinh-ky-niem-1000-nam-thang-long-ha-noi truy cập ngày 15/8/2023.
20. Phạm Minh Phương (2010), *Lễ hội năm làng Mọc ở Hà Nội*, Nxb Văn hoá Thông tin.
21. Phạm Minh Phương (2020), “Thần chủ đền Bạch Mã Hà Nội qua các nguồn tư liệu”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5(197).
22. Phạm Minh Phương (2021), “Biến đổi trong thực hành thờ Thăng Long tứ trấn ở Hà Nội”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11(215).
23. Phạm Minh Phương (2022), “Về tên gọi và yếu tố thủy thần trong hệ thống Thăng Long tứ trấn”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 (220).
24. Phạm Minh Phương, tư liệu cá nhân khảo sát điền dã, phỏng vấn sâu.
25. Vũ Quỳnh, Kiều Phú (2001), *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb Văn học Hà Nội.
26. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính) (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3 Nxb. Thuận Hóa, Huế.
27. Chân Hiền Tâm (2017), “Có những sự tái sinh...” đăng trên [giacngo.vn](https://giacngo.vn/co-nhung-su-tai-sinh-post39495.html). link: <https://giacngo.vn/co-nhung-su-tai-sinh-post39495.html> truy cập ngày 24/8/2023.
28. Lam Trương (2016), “Qua 3 quan ải?”, link: <https://phatgiaolongan.org/qua-3-quan-ai> truy cập 15/9/2023.
29. Nguyễn Quốc Tuấn (2007), “*Quy hoạch*” tâm linh – tôn giáo của Kinh thành Thăng Long, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
30. Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Triển khai lý thuyết thực thể tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10(136).
31. Phạm Văn Tuấn, Diệp Thiếu Phi (2020), “Di sản Hán Nôm đền Bạch Mã”, in trong kỷ yếu *Tài liệu Toạ đàm Giá trị di sản văn hoá đền Bạch Mã, di tích cấp Quốc gia*, Ủy Ban nhân dân quận Hoàn Kiếm – Hội Di sản Văn hoá Việt Nam, tr. 158-164.

32. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý (Đồng chủ biên, 2005), *Lễ hội Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội
33. Lý Tế Xuyên (1960), *Việt điện u linh*, Nxb Văn hoá.

Abstract

WORSHIP OF THANG LONG TU TRAN IN HANOI TODAY FROM SECULARIZATION TO REBIRTH OF THE SACRED

Pham Minh Phuong

*Institute for Religious Studies, Vietnam Academy of Social
Sciences (VASS)*

Thang Long Tu Tran, a typical god-worshipping belief system of the inhabitants in Thang Long- Hanoi, includes four sacred temples for guarding the four directions of the ancient capital of Thang Long, (Hanoi at present). These temples are not only historical and cultural relics, but they also express the beliefs and spirituality of the people of Thang Long- Hanoi. Based on fieldwork data in recent years, especially after the Renovation- Doi Moi), this article examines and analyzes the process of secularization and rebirth of the sacred in the worship practices at these four temples. Therefore, it points out that the practices of worshipping the gods of Thang Long Tu Tran sometimes have opposing manifestations since this worship is both folk and influenced by state power; maintained over the cycle of time and also reinforced, controlled by the Boards/ Committees of relic management agencies; promotes people's concerns and encounters gender limitations.

Keywords: Thang Long Tu Tran; secularization; the sacred; worship practices; Hanoi